

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 02/2018/LĐPT

Ngày: 12 - 4 - 2018

V/v Kiện đòi tiền lương,
bồi thường thiệt hại khi chấm
dứt hợp đồng lao động.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phụng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Triết.

Bà Lưu Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15-3-2018 và ngày 12-4-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số: 03/2017/TLPT-LĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017 về việc “*Kiện đòi tiền lương, bồi thường thiệt hại khi chấm dứt hợp đồng lao động*”.

Do bản án lao động sơ thẩm số: 03/2017/LĐ-ST ngày 04 -10 -2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐ-PT ngày 16-01-2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐ-PT ngày 02-02-2018 và Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 01/2018/QĐ-PT ngày 15-3-2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Doãn Trọng N – Có mặt;

Địa chỉ: Thôn X, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Anh T – Có mặt;

Địa chỉ: Đường O, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn khoáng sản X;

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành C - Chức vụ: Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn khoáng sản X – Vắng mặt.

Địa chỉ: Đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Thành NH – Có mặt;

Địa chỉ: Đường Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người kháng cáo: Công ty trách nhiệm hữu hạn khoáng sản X là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đặng Anh T trình bày:

Ông Doãn Trọng N vào làm công nhân của Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoáng Sản X (Gọi tắt là Công ty X) từ ngày 01/08/2011, theo Quyết định số: 27/QĐ-HĐTV ngày 01/08/2011 của Công ty X “Về việc tiếp nhận và bổ nhiệm cán bộ”. Công việc phải làm: Làm bảo vệ khu vực mỏ đá xây dựng thôn M, xã E, thành phố B; Thời hạn hợp đồng là 3 năm theo quyết định; thời giờ làm việc: 24/24h trong ngày; mức lương hai bên thỏa thuận miệng là 2.500.000đ/tháng. Ông N có yêu cầu Công ty X làm Hợp đồng lao động, nhưng Công ty X nói Công ty chưa hoạt động khai thác mỏ nên chưa ký kết hợp đồng lao động.

Trong thời gian làm bảo vệ, ngày 12/12/2011 ông N và Công ty X có ký hợp đồng thuê đất sản xuất nông nghiệp, Công ty X cho ông N thuê diện tích 5,6ha nằm trong diện tích mỏ đá (11,3ha) của Công ty X, thời hạn thuê tính từ ngày 12/12/2011 đến hết tháng 12/2012; giá thuê 47.800.000đ/năm. Nhưng ngày 14/5/2012 khi bàn giao diện tích đất thực tế cho ông N thuê diện tích là 3,4165ha, với giá 13.500.000đ/năm.

Để có nơi ở và bảo vệ mỏ đá, ông N có xin và được Công ty X chấp thuận nên đã tự bỏ tiền ra xây dựng căn nhà nhỏ tại khu vực mỏ đá để thuận tiện cho công việc của mình. Công ty X có thỏa thuận với ông N do mỏ chưa khai thác nên khi nào Công ty X tiến hành khai thác sẽ trả lương một lần, mặc dù ông N đã làm việc quá thời hạn 3 năm, hoàn thành công việc giao.

Đến tháng 6/2015 Công ty tiến hành khai thác mỏ, ông N có đề nghị Công ty X trả lương một lần theo thỏa thuận (từ 01/08/2011 đến 30/05/2015), thì ngày 01/10/2015 Công ty lại ký Hợp đồng lao động có thời hạn với ông N, nội dung hợp đồng: Công việc phải làm: Làm bảo vệ mỏ đá xây dựng tại thôn M, xã E, thành phố B; thời hạn hợp đồng là 2,5 tháng, tính từ ngày 01/10/2015 đến ngày 15/12/2015; thời giờ làm việc: Ban đêm, ngoài giờ hành chính, ngày lễ tết, chủ nhật...trong thời gian công nhân mỏ nghỉ việc; mức lương hai bên thỏa thuận là 2.500.000đ/tháng; tiền lương theo hợp đồng này Công ty đã thanh toán hàng tháng đầy đủ cho ông N. Trước khi ký hợp đồng lao động không có việc Công ty và ông N đã thỏa thuận thanh toán hết công nợ cũ. Còn khoản tiền lương thời gian trước đó Công ty X chỉ hứa hẹn nhiều lần mà không thanh toán lương.

Vào ngày 21/01/2016 Công ty X có mời ông N đến làm việc và có lập biên bản với nội dung áp đặt là chỉ thanh toán số tiền bỏ ra để làm nhà bảo vệ và lương tháng 12/2015, nhưng ông N không đồng ý và không ký vào biên bản. Ông N làm bảo vệ cho Công ty X liên tục đến hết tháng 12/2015 và làm đơn xin nghỉ việc.

Ngày 01/01/2016 Công ty ra Quyết định số 52/QĐ- GD về việc chấm dứt Hợp đồng lao động với ông N. Ông N yêu cầu Công ty X phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông những khoản tiền, gồm:

- Tiền lương từ ngày 01/8/2011 đến ngày 30/5/2015 (46 tháng) x 2.500.000đ/tháng = 115.000.000 đồng.

- Tiền ông N xây dựng nhà bảo vệ cấp 4 trên đất mỏ đá của Công ty vào tháng 11/2013 để phục vụ việc bảo vệ, diện tích 12m² là 9.000.000 đồng.

Về cuộn dây hơi pi 32mm, dài 50m dùng để dẫn khí khoan đá của Công ty bị mất trong thời gian ông N làm bảo vệ, thì ông N đồng ý bồi thường cho Công ty trị giá cuộn dây là 3.700.000 đồng.

Tổng cộng ông N yêu cầu Công ty X phải thanh toán cho ông N số tiền lương và tiền làm lán bảo vệ là: 115.000.000đ + 9.000.000đ = 124.000.000đ.

- *Nguyên đơn ông Doãn Trọng N trình bày:* Ông N thống nhất với nội dung trình bày của ông T và có ý kiến bổ sung là sau khi hết hạn hợp đồng 36 tháng, Công ty X nói ông N cứ tiếp tục làm bảo vệ, còn hợp đồng lao động làm sau.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Nguyễn Thành C và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Thành NH trình bày:*

Năm 2011 Công ty có mua diện tích đất tại khu vực thôn M, xã E, thành phố B để làm thủ tục xin khai thác đá xây dựng. Trong thời gian làm thủ tục xin cấp phép khai thác, Công ty chưa sử dụng diện tích đất trên, nên ông Doãn Trọng N xin được canh tác và trông coi diện tích đất của Công ty. Theo đề nghị của ông N, để có cơ sở trông coi hoa màu và diện tích đất của Công ty, Công ty cần có văn bản giao cho ông làm bảo vệ để các hộ xung quanh có xâm phạm, thì ông N có cơ sở nói được. Vì vậy, ngày 01/08/2011 Công ty có ra Quyết định số 27/QĐ- HĐTV, bố trí ông N làm bảo vệ tại mỏ đá thôn M, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Công việc phải làm: Làm bảo vệ mỏ đá xây dựng thôn M, xã E, thành phố B; Thời hạn hợp đồng là 3 năm theo quyết định; thời giờ làm việc: 24/24h trong ngày; tiền lương và các chế độ theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động và quy định của Công Ty.

Nhưng thực tế trong giai đoạn từ ngày 01/08/2011 đến ngày 12/02/2015 Công Ty chưa có Quyết định cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về khai thác mỏ đá thôn M, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Do đó, Công ty chưa có hoạt động nào về khai thác mỏ nên việc ký kết thỏa thuận trả lương cho ông N theo hợp đồng lao động là không có, nên Công ty không ký hợp đồng lao động với ông N.

Công ty và ông N thỏa thuận miệng, cụ thể như sau:

- Ông N được ở tại mỏ và sử dụng toàn bộ diện tích là 11,3 hec ta đất màu và cây trồng trên đất (cà phê, điều) của Công ty để canh tác và chăn nuôi gia súc,

gia cầm. Ông N có trách nhiệm trông coi và giữ gìn toàn bộ diện tích đất và cây trồng trên đất cho bên Công ty.

- Công ty không phải trả tiền lương cho ông N và ông N cũng không phải trả tiền sử dụng đất cho Công ty. Ông N sẽ được ký hợp đồng lao động để làm bảo vệ mỏ đá khi Công ty được cấp phép và đi vào hoạt động.

Do vậy, ngày 12/12/2011 Công ty và ông N có ký Hợp đồng về việc thuê đất sản xuất nông nghiệp; nội dung trong Hợp đồng thuê đất như ông N trình bày, nhưng ông N đã sử dụng diện tích đất thuê cho đến khi nghỉ việc là khoảng 3 năm.

Đến ngày 13/02/2015 Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp phép khai thác mỏ đá. Theo như thỏa thuận trước đây nên ngày 01/10/2015 Công ty đã ký Hợp đồng lao động có thời hạn với ông N, nội dung hợp đồng và tiền lương đã thanh toán như ông N trình bày.

Trước khi ký hợp đồng trên Công ty cũng đã làm việc với ông N để thanh toán hết công nợ cũ giữa hai bên và trong thời gian làm việc theo hợp đồng mới, ông N không có ý kiến gì nữa.

Sau khi ký Hợp đồng lao động thì ngày 16/12/2015 ông N đã để trộm cắp mất cuộn dây hơi Pi 30mm, dài 50m dùng để dẫn khí khoan đá của Công ty trị giá 3.700.000đ, trong tháng 12/2015 ông N làm đơn xin Công ty cho nghỉ việc với lý do tuổi cao, sức yếu không đảm nhận được công việc. Ngày 01/01/2016 Công ty ra Quyết định số 52/QĐ- GD về việc chấm dứt Hợp đồng lao động với ông N, sau khi Công ty giải quyết cho thôi việc ông N mới khiếu nại về tiền lương trên. Như vậy, ông N yêu cầu Công ty phải thanh toán: 115.000.000đ (tương đương 46 tháng lương) là không có cơ sở và đây là do ông N tự đặt ra.

- Về nhà bảo vệ: Trong diện tích đất Công ty mua để khai thác đá đã có một lán trại cũ dùng làm nhà bảo vệ. Trong thời gian làm bảo vệ cho Công ty, ngày 18/11/2013 ông N có đề xuất xin chuyển nhà bảo vệ lên vị trí cao hơn để thông thoáng, để bảo vệ không bị ẩm thấp và khi nào Công Ty khai thác đá hoặc cần diện tích đất trên thì ông tự tháo dỡ. Do thời gian này Công ty còn đang xin cấp giấy phép khai thác, thời gian sử dụng diện tích trên còn lâu nên Công ty đã đồng ý về chủ trương cho ông N chuyển nhà bảo vệ tạm lên vị trí mới. Công ty không cho phép xây nhà kiên cố, để khi cần còn tháo dỡ. Trước khi làm ông N chưa báo cáo dự toán thiết kế, qui mô xây dựng nhà bảo vệ cho Công ty, thì đã tự ý bỏ tiền mua vật tư, vật liệu xây dựng nhà. Khi Công ty vào mỏ đá thì ông N đã xây xong rồi và ông N bảo khi nào Công ty yêu cầu ông sẽ tự tháo dỡ.

Về cuộn dây hơi Pi 30mm, dài 50m dùng để dẫn khí khoan đá của Công ty mà ông N làm mất, thì Công ty chấp nhận việc ông N bồi thường cho Công ty trị giá 3.700.000đ. Công ty không chấp nhận bồi thường các khoản tiền lương và tiền xây nhà bảo vệ cho ông N.

Tại bản án Lao động sơ thẩm số 03/2017/LĐ-ST ngày 04-10-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 213; Điều 220; Điều 246; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 15, Điều 16, Điều 22, Điều 25, khoản 2 Điều 47, Điều 90, Điều 96, khoản 2 Điều 130, Điều 201 Bộ luật lao động năm 2012. Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Ông Doãn Trọng N có nghĩa vụ phải bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoáng Sản X số tiền là 3.700.000đồng (*Ba triệu bảy trăm nghìn đồng*).

2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoáng Sản X phải bồi thường cho ông Doãn Trọng N số tiền là 124.000.000đồng (*Một trăm hai mươi bốn triệu đồng*).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án và thỏa thuận thi hành án cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/10/2017, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn khoáng sản X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tranh chấp giữa ông N và Công ty trách nhiệm hữu hạn khoáng sản X là tranh chấp lao động về tiền lương phải thông qua thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động trước khi khởi kiện ra tòa, theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật lao

động. Ông N đã có đơn yêu cầu Phòng lao động thương binh và xã hội thành phố B hòa giải trước khi khởi kiện ra Tòa án. Tuy nhiên hết thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn yêu cầu hòa giải của ông N, Phòng lao động thương binh và xã hội thành phố B không tiến hành hòa giải tranh chấp lao động nói trên được. Như vậy việc không tiến hành hòa giải được tranh chấp lao động giữa ông N và Công ty X là do trở ngại khách quan. Do đó, ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lao động về tiền lương với Công ty trách nhiệm hữu hạn khoáng sản X và Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn khoáng sản X thì Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Đối với kháng cáo không chấp nhận yêu cầu thanh toán tiền lương:

Ngày 01/8/2011, Công ty trách nhiệm hữu hạn khoáng sản X đã ban hành quyết định số: 27/QĐ-HĐTV về việc tiếp nhận và bổ nhiệm cán bộ đối với ông Doãn Trọng N vào làm bảo vệ mỏ đá, tại Điều 3 của Quyết định lương và các chế độ theo thỏa thuận trong hợp đồng có ghi: “Ông Doãn Trọng N được hưởng lương và các chế độ theo thỏa thuận hợp đồng lao động và qui định Công ty”, thời hạn hợp đồng theo quyết định là 03 năm kể từ ngày ký. Ngày 01/10/2015 Công ty trách nhiệm hữu hạn khoáng sản X và ông Doãn Trọng N ký kết hợp đồng lao động xác định thời hạn, công việc là bảo vệ mỏ đá, mức lương 2.500.000 đồng/tháng. Tuy nhiên Công ty mới trả lương cho ông N theo hợp đồng lao động là 04 tháng, khoản tiền lương từ khi ông N vào làm bảo vệ đến ngày 30/5/2015, ông chưa được Công ty thanh toán. Vì vậy ông khởi kiện yêu cầu Công ty thanh toán khoản tiền lương này cho ông. Về phía Công ty X cho rằng Công ty và ông N có thỏa thuận với nhau là ông N làm bảo vệ cho Công ty từ ngày 11/8/2011, trong thời gian ông N làm bảo vệ cho Công ty, ông N được sử dụng diện tích (11,3ha) đất màu và cây trồng trên đất để chăn nuôi gia súc, gia cầm; ông N có trách nhiệm bảo vệ toàn bộ diện tích đất và cây trồng trên đất, Công ty X không phải trả tiền lương cho ông N và ông N cũng không phải trả tiền sử dụng đất cho Công ty. Việc Công ty đã ban hành Quyết định số: 27/QĐ-HĐTV ngày 01/08/2011 về việc tuyển dụng ông N vào làm bảo vệ là thực hiện theo đề nghị của ông N, mục đích để ông N để có cơ sở trông coi hoa màu và diện tích đất cho Công ty. Vì vậy Công ty không chấp nhận thanh toán tiền lương cho ông N.

Theo nội dung giấy thuê đất giữa Công ty với ông N thể hiện ông N đã thuê diện tích đất là 11,3ha đất giá thuê là 48.000.000 đồng/năm, do diện tích đất thuê thực tế chỉ có 3,4165 ha, nên hai bên thỏa thuận giá thuê đất là 13.500.000 đồng. Ông N khẳng định giữa ông và Công ty không có thỏa thuận nào về nội dung khấu trừ tiền ông thuê đất vào tiền lương làm bảo vệ cho Công ty. Về phía Công ty cũng thừa nhận có ký hợp đồng thuê đất với ông N vào ngày 12/12/2011, có nội dung như ông N trình bày ở trên. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Công

ty X không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để xác định Công ty không phải chịu nghĩa vụ thanh toán tiền lương khi ông N làm bảo vệ cho Công ty như Công ty đã trình bày.

Như vậy ông N khởi kiện yêu cầu Công ty X thanh toán tiền lương cho ông N trong thời gian ông N làm bảo vệ cho Công ty X với mức lương là 2.500.000 đồng/tháng, theo mức lương đã ký trong hợp đồng lao động, phù hợp với nội dung tại Điều 3 của Quyết định 27/QĐ-HĐTV về việc tiếp nhận và bổ nhiệm cán bộ đối với ông Doãn Trọng N vào làm bảo vệ mỏ đá là có căn cứ.

Thời gian ông N làm việc cho Công ty X từ ngày 01/8/2011 đến ngày 30/12/2015 là 53 tháng, ông N xác định Công ty đã trả lương cho ông N từ tháng 9/2015 đến tháng 12/2015 là 04 tháng. Như vậy Công ty còn phải thanh toán cho ông N 49 tháng lương, nhưng ông N chỉ yêu cầu Công ty thanh toán cho ông 46 tháng lương. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N và buộc Công ty phải thanh toán cho ông N khoản tiền lương là 46 tháng x 2.500.000đ/tháng = 115.000.000 đồng là có căn cứ. Do đó kháng cáo của Công ty X không chấp nhận yêu cầu thanh toán tiền lương của ông N là không có căn cứ.

[2.2] Đối với kháng cáo không chấp nhận yêu cầu bồi thường tiền xây dựng nhà bảo vệ:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận, trong thời gian làm bảo vệ Công ty ngày 11/8/2011 ông N có đề xuất xin chuyển nhà bảo vệ đến vị trí cao hơn cho thông thoáng, để bảo vệ không bị ẩm thấp, để phục vụ việc bảo vệ mỏ đá. Công ty đã đồng ý và ký xác nhận vào đơn đề ông N thực hiện. Công ty thừa nhận tiền xây nhà bảo vệ là do ông N bỏ ra xây. Tuy nhiên khi làm nhà bảo vệ ông N không báo cáo dự trù kinh phí với Công ty, việc đồng ý để ông N làm lại nhà bảo vệ mới chỉ là đồng ý về mặt chủ trương, nên Công ty không chấp nhận yêu cầu đòi tiền làm nhà bảo vệ của ông N. Xét thấy mục đích xây nhà bảo vệ là nhằm phục vụ cho việc hoạt động kinh doanh, khai thác đá của Công ty. Khi ông N làm nhà bảo vệ Công ty X vẫn biết nhưng không có ý kiến gì. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc Công ty X phải thanh toán giá trị nhà bảo vệ cho ông N (theo biên bản thỏa thuận giá trị tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn ngày 17/8/2017) là 9.000.000 đồng là có căn cứ. Do đó kháng cáo của Công ty X không chấp nhận yêu cầu bồi thường tiền xây dựng nhà bảo vệ của ông N là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn khoáng sản X - Giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm 03/2017/LĐST ngày 04/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 15/3/2018 Công ty trách nhiệm hữu hạn khoáng sản X có xuất trình chứng cứ là giấy thanh toán tiền lương các tháng 3,4,6,7 năm 2015 do ông Nguyễn Hoàng T1 là nhân viên của Công ty ký nhận thay ông Doãn Trọng N. Ông N không thừa nhận việc Công ty cho rằng ông T1 đã nhận

lương thay cho ông. Vì vậy Công ty X đề nghị Tòa án triệu tập người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hoàng T1, địa chỉ XX, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào tham gia tố tụng. Tuy nhiên, tại biên bản làm việc ngày 20/3/2018 đại diện Công ty xác định địa chỉ của ông T1 mà Công ty đã cung cấp là không chính xác và Công ty không biết ông T1 hiện nay đang ở đâu nên Công ty không yêu cầu Tòa án xem xét giấy thanh toán tiền lương các tháng 3,4,6,7 năm 2015 nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Căn cứ vào Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì ông N được miễn toàn bộ án phí Lao động sơ thẩm đối với số tiền 3.700.000 đồng ông phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn khoáng sản X theo thỏa thuận của hai bên. Tuy nhiên bản án sơ thẩm tuyên miễn án phí Lao động sơ thẩm cho ông N, nhưng không nhận định vào bản án về lý do miễn án phí cho ông N là thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

[3] Về án phí lao động phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty trách nhiệm hữu hạn khoáng sản X phải chịu án phí lao động phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn khoáng sản X - Giữ nguyên bản án Lao động sơ thẩm số 03/2017/LĐST ngày 04/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ vào các Điều 15, Điều 16, Điều 22, Điều 25, khoản 2 Điều 47, Điều 90, Điều 96, khoản 2 Điều 130, Điều 201 Bộ luật lao động năm 2012; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[2.1] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Ông Doãn Trọng N có nghĩa vụ phải bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoáng Sản X số tiền là 3.700.000đ (Ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

[2.2]. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoáng Sản X thanh toán cho ông Doãn Trọng N số tiền là 124.000.000đ (Một trăm hai mươi bốn triệu đồng), trong đó khoản tiền lương là 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng), tiền làm nhà bảo vệ là 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí lao động sơ thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoáng Sản X phải chịu 3.720.000đ (Ba triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) tiền án phí Lao động sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí Lao động sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000452 ngày 20/9/2017. Công ty trách nhiệm hữu hạn khoáng Sản X còn phải nộp 3.420.000đồng (Ba triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng) tiền án phí Lao động sơ thẩm.

Ông Doãn Trọng N được nhận lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí lao động sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0000530, ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[3.2]. Về án phí lao động phúc thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn khoáng sản X phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí lao động phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí lao động phúc thẩm do Công ty trách nhiệm hữu hạn khoáng sản X đã nộp, theo biên lai thu số AA/2017/0000129, ngày 19/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Áp dụng Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự, để tính lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án, khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột;
- CC THADS thành phố B;
- Các Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Phụng